

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST

Ngày: 10-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Di

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thiên Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh năm 1992 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: Tổ B, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: A V, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1967; bị cáo có chồng là Vũ Văn C, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2013 và con nhỏ nhất sinh ngày 21/9/2023.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại A V, khu phố C, phường L, thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:** Ông Phạm Hoàng G, Luật sư của Công ty TNHH K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Hoàng Minh Thùy T, sinh năm 1990; nơi cư trú: B64, Tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H và ông Vũ Văn C là vợ chồng và đã ly hôn vào tháng 01/2022 nhưng chưa giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 37 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 916666 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/02/2019, chính lý sang tên cho Trần Thị H và ông Vũ Văn C ngày 04/5/2019. Tháng 3/2022, ông C và H tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn được Tòa án nhân dân huyện Long Điền thụ lý giải quyết. Vào ngày 25/8/2022, ông C và H thỏa thuận thửa đất trên được chuyển nhượng cho ông C đứng tên và ông C phải thanh toán tiền chênh lệch cho H số tiền 800.000.000đ; cùng ngày, ông C đã chuyển khoản cho H trước số tiền 100.000.000đ, số tiền còn lại 700.000.000đ sẽ được ông C thanh toán vào ngày 31/8/2022 sau khi 2 bên lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung tại Văn phòng công chứng. Hai ngày sau thì H và ông C thỏa thuận ông C chỉ trả thêm cho H 600.000.000đ thì ông C sẽ được đứng tên quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Mặc dù đã thỏa thuận phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên và nhận tiền của ông C trước đó, biết thửa đất không còn thuộc quyền định đoạt của H nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên vào ngày 26/8/2022, H đã đưa ra thông tin gian dối nói với ông Hoàng Văn D là vợ chồng H đang cần chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho ông D với số tiền 1.400.000.000đ và yêu cầu ông D chuyển khoản tiền đặt cọc cho H trước là 200.000.000đ ngay sau khi ký kết hợp đồng đặt cọc, hẹn đến ngày 26/9/2022, H và ông D ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông D đưa tiếp số tiền còn lại 1.200.000.000đ. Do tin tưởng nên ngày 26/8/2022, ông D nhờ bà Phạm Thị Ngọc L1 chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản số 85569296xxxx tại Ngân hàng TMCP Q (M) của H số tiền 200.000.000đ.

Đến ngày 31/8/2022, H và ông Vũ Văn C đến Văn phòng công chứng ký văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung cho ông C đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên và ông C đã đưa số tiền còn lại 600.000.000đ cho H.

Vào ngày 07/9/2022 và ngày 08/9/2022, do cần tiền tiêu xài, H tiếp tục yêu cầu ông D chuyển thêm tiền đặt cọc vào tài khoản số 85569296xxxx tại M của H để chiếm đoạt với tổng số tiền 200.000.000đ. Khi đến thời hạn công chứng ngày 26/9/2022, ông D nhiều lần liên lạc cho H để ký hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng thửa đất trên cho ông D nhưng H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và chiếm đoạt số tiền đặt cọc của ông D. Vào ngày 03/11/2022, ông D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền về tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với Trần Thị H. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Đối với số tiền 400.000.000đ chiếm đoạt của ông Hoàng Văn D, H đã sử dụng vào mục đích đầu tư chứng khoán, tiền ảo trên mạng bị thua lỗ và tiêu xài cá nhân hết.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn D yêu cầu Trần Thị H phải trả lại số tiền 400.000.000đ đã bị chiếm đoạt.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSLĐ ngày 29-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho bị hại Hoàng Văn D số tiền 400.000.000đ.

- Bị cáo Trần Thị H đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tài liệu chứng cứ thu thập đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Mặc dù Trần Thị H đã thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 37 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với ông Vũ Văn C vào ngày 25/8/2022 và đã nhận số tiền ứng trước là 100.000.000đ. Tuy nhiên, do muốn chiếm đoạt tiền của người khác nên ngày 26/8/2022, Trần Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin vợ chồng H đang cần chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho ông Hoàng Văn D làm ông D tin tưởng là thật để chiếm đoạt số tiền đặt cọc là 200.000.000đ. Tiếp đến, vào các ngày 07/09/2022 và 08/9/2022, H tiếp tục yêu cầu ông D chuyển thêm tiền đặt cọc chuyển nhượng thửa đất trên với số tiền là 200.000.000đ, sau đó H bỏ đi khỏi nơi cư trú để chiếm đoạt số tiền đặt cọc. Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông D là 400.000.000đ.

Như vậy, hành vi của Trần Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật, sau đó thực hiện các giao dịch dân sự với bị hại nhằm mục đích để chiếm đoạt tiền với số lượng tiền rất lớn. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo phải chịu 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt, đang nuôi con nhỏ. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của

pháp luật, nhưng cũng đảm bảo đủ để rắn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn D yêu cầu Trần Thị H phải trả lại số tiền 400.000.000đ. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông D nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho ông D số tiền này.

[7] Các nội dung có liên quan khác:

Đối với ông Vũ Văn C không biết việc H đã nhận tiền cọc của anh D, việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của ông C và H đúng theo quy định của pháp luật, ông C không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên không có cơ sở để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn D số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- CCTHADS huyện Long Điền;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên